| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CƯ KUIN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Quốc Định

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Vinh;

2. Bà Hoàng Thị Trang;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Loan, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đình Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

*** Bị đơn**: Ông Lê Tấn P, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thu H (nguyên đơn) và ông Lê Tấn P (bị đơn) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 06/4/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Qua quá trình chung sống với nhau được một thời gian hạnh phúc thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung, đỉnh điểm là đến năm 2021 thì bị đơn thường xuyên đánh đập nguyên đơn vô cớ, khiến tâm lý nguyên đơn bất ổn, nên nguyên đơn đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn D, xã E, huyện C sinh sống và ly thân với bị đơn từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Pha T, sinh ngày 21/8/2007 và cháu Lê Cung P1, sinh ngày 18/5/2017. Hiện tại các cháu đang sống chung với bị đơn. Sau khi ly hôn, nguyên đơn đồng ý giao các con chung cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung không có nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều văn bản tố tụng khác để thông báo cho bị đơn tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc ở Tòa án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Đối với cháu Lê Nguyễn Pha T, sinh ngày 21/8/2007 hiện cháu đã trên 07 tuổi, bị đơn không cho biết địa chỉ học tập của cháu T đang ở đâu nên nguyên đơn không biết để cung cấp cho Tòa án cũng như không thể dẫn cháu T đến Tòa án để Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu mong muốn ở với ai.

*Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung giao 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Pha T, sinh ngày 21/8/2007 và cháu Lê Cung P1, sinh ngày 18/5/2017 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Lê Tấn P có địa chỉ nơi cư trú tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản

1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 06/4/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên cải vã, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Pha T, sinh ngày 21/8/2007 và cháu Lê Cung P1, sinh ngày 18/5/2017, hiện tại các cháu đang sống với bị đơn và nguyên đơn đồng ý giao cả 02 con chung cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn với nhau. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao các cháu Lê Nguyễn Pha T và cháu Lê Cung P1 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Lê Tấn P.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Nguyễn Pha T, sinh ngày 21/8/2007 và cháu Lê Cung P1, sinh ngày 18/5/2017 cho ông Lê Tấn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên. Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.500.000 đồng *(Hai triệu, năm trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0017820 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền chệnh lệch là 2.200.000 đồng *(Hai triệu, hai trăm nghìn đồng)*.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Quốc Định**